

DEVELOPING AND IMPROVING THE QUALITY OF HUMAN RESOURCES IN ETHNIC MINORITY AND MOUNTAINOUS AREAS TODAY

Tran Trung

Vietnam Academy for Ethnic Minorities

Email: trantrung@hvdt.edu.vn

Received: 16/12/2024; Reviewed: 26/12/2024; Revised: 30/12/2024; Accepted: 03/01/2025; Released: 28/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/418>

The process of world economic integration in Vietnam is carried out on the basis of ensuring a harmonious combination between economic growth and social progress towards sustainable development, in which the human factor is the center. In that process, developing and improving the quality of human resources in the country in general and human resources in ethnic minority and mountainous areas in particular are capable of meeting the requirements of promoting industrialization, modernization of the country and international integration in the new period, contributing to the goal of our country being basically an industrialized country in the modern direction by 2030, successfully building a society of rich people, strong country, democracy, equality... are extremely urgent requirements, requiring high quality human resources, especially high quality human resources in ethnic minority and mountainous areas, in order to have breakthrough changes.

Keywords: *Development; improvement; Quality of human resources; Ethnic minority and mountainous areas.*

1. Đặt vấn đề

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (NNL) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN), đặc biệt là NNL chất lượng cao là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách trong giai đoạn hiện nay nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng đồng bào DTTS&MN, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào một cách bền vững. Đây là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, cần thời gian dài nên phải được xác định là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thực tế cho thấy, nếu không quan tâm đến việc phát triển và nâng cao chất lượng NNL cho một dân tộc thì dân tộc đó rất dễ bị tách ra khỏi guồng quay chung của toàn xã hội cũng như dòng chảy kinh tế chung của đất nước. Để phát triển bền vững, để có thể thu hẹp khoảng cách với các dân tộc khác, một dân tộc chỉ có thể trông cậy vào nội lực của chính mình. Vùng đồng bào DTTS&MN có phát triển bền vững được hay không phụ thuộc rất lớn vào chất lượng NNL các dân tộc thiểu số (DTTS) nói chung và chất lượng cán bộ DTTS trong hệ thống chính trị vùng đồng bào DTTS&MN nói riêng.

2. Tổng quan nghiên cứu

Liên quan đến phát triển và nâng cao chất lượng NNL vùng đồng bào DTTS&MN đã có nhiều công

trình nghiên cứu, trong đó có một số công trình nghiên cứu, như: *Một số ý kiến về tạo nguồn đào tạo cán bộ DTTS khu vực Bắc miền Trung* (Khanh, 2003); *Đào tạo NNL cho miền núi, vùng dân tộc giai đoạn hiện nay* (Khanh, 2014); *Nâng cao chất lượng NNL DTTS khu vực Tây Bắc* (Trung & Trang, 2017); *Một số giải pháp đào tạo NNL chất lượng cao vùng DTTS&MN hiện nay* (Dũng, 2020); *Một số vấn đề về NNL DTTS hiện nay* (Dũng, 2020); *Đào tạo NNL góp phần phát triển bền vững vùng DTTS&MN hiện nay* (Dũng, 2020); *Phát triển NNL DTTS góp phần phát triển bền vững vùng DTTS hiện nay* (Dũng, 2024); *Phát triển NNL Việt Nam giai đoạn 2015-2020 đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế* (Hoan, 2015); *Nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (Khái, 2000),... Trên cơ sở các công trình nghiên cứu trên, đây là nguồn tư liệu có giá trị khoa học để tác giả kế thừa, tham khảo, bổ sung làm rõ nội dung nghiên cứu này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Liên quan đến nội dung nghiên cứu, tác giả sử dụng một số phương pháp cơ bản như: Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phương pháp tổng hợp, phân tích các nguồn tư liệu sẵn có gồm các văn kiện của Đảng, công trình nghiên cứu,... Bài viết trên cơ sở đó tác giả làm rõ việc phát triển và nâng cao chất lượng NNL vùng đồng bào DTTS&MN.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Hệ thống chính sách phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số hiện nay

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng và Nhà nước luôn xác định vấn đề dân tộc và công tác dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng của các mạng Việt Nam, đồng thời đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng để phát triển KT-XH ở vùng đồng bào DTTS&MN. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhiều chính sách lớn của Đảng và nhà nước đã được ban hành, trong đó phát triển NNL nói chung và NNL các DTTS được xác định là một trong 3 khâu đột phá chiến lược của đất nước (Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ).

Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển KT-XH miền núi đã chỉ rõ: “Có chính sách và tạo điều kiện để nhân dân các dân tộc miền núi vươn lên mạnh mẽ, phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, coi trọng đào tạo cán bộ người dân tộc” (Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị).

Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030. Đây là một chủ trương lớn, hết sức đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với vùng đồng bào DTTS&MN bao gồm cả chính sách phát triển và nâng cao chất lượng NNL DTTS hướng tới phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bào DTTS&MN.

Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc đã có các chính sách nhằm phát triển NNL DTTS như: Phát triển trường mầm non, trường phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, trường dạy nghề, trường dự bị đại học; Đào tạo NNL, đào tạo nghề cho đồng bào vùng đồng bào DTTS&MN phù hợp với đặc điểm từng vùng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Quốc tế. Việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý nguồn lao động là người DTTS tại chỗ, có chế độ đãi ngộ, chính sách đối với cán bộ người DTTS, đảm bảo tỷ lệ hợp lý cán bộ người DTTS, ưu tiên cán bộ nữ, cán bộ trẻ tham gia vào các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp. Đối với các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, sử dụng đội ngũ cán bộ người DTTS.

Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trong thời kỳ mới; Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày

26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”, gồm 4 nhóm đối tượng (nhóm đối tượng 1, 2, 3, 4) và chương trình bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp tiếng dân tộc Mông, Chăm. Mục tiêu nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa DTTS, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; kỹ năng sử dụng tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào DTTS. Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trong đó chính sách phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng NNL (dự án 5).

Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển NNL các DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 đã khẳng định NNL DTTS là “một trong 3 khâu đột phá chiến lược của đất nước”. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới trong đó nhấn mạnh: “Tập trung phát triển NNL và xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ DTTS; có giải pháp cụ thể, hiệu quả để bảo đảm tỷ lệ cán bộ DTTS trong cấp ủy và các cơ quan dân cử các cấp. Có chính sách đặc thù tuyển dụng công chức, viên chức đối với DTTS rất ít người, nhóm DTTS ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo NNL chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ là người DTTS”.

4.2. Thực trạng phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

4.2.1. Thực trạng NNL DTTS

Tính đến ngày 01/4/2019, cả nước có 53 DTTS là 14.119.254 người (chiếm khoảng 14,68% dân số cả nước) với 3.680.943 hộ, sống rải rác trên 63 tỉnh/thành phố và tập trung thành cộng đồng ở 54 tỉnh, thành phố. Sau 10 năm, từ năm 2009 đến năm 2019, quy mô dân số của 53 DTTS đã tăng gần 1,9 triệu người, cao hơn mức tăng giai đoạn 1999-2009 hơn 100 nghìn người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 2009-2019 của 53 DTTS là 1,42%, cao hơn tỷ lệ tăng bình quân của dân tộc Kinh (1,09%) và tỷ lệ tăng bình quân của cả nước (1,14%).

Quy mô dân số của các dân tộc không đồng đều, có thể chia thành 5 nhóm như sau: (1) Nhóm có

dân số trên 1 triệu người gồm 6 dân tộc: Tày, Thái, Mường, Mông, Khmer, Nùng (Tày là dân tộc đông nhất với số dân là 1.845.492 chiếm 13,1% tổng dân số DTTS); (2) Nhóm có dân số từ 100.000-1.000.000 người gồm 14 dân tộc: Hoa, Dao, Gia Rai, Ê Đê, Ba Na, Sán Chay, Chăm, Cơ Ho, Xơ Đăng, Sán Diu, Hrê, Raglay, Mông, Xtiêng; (3) Nhóm có dân số từ 10.000-100.000 người gồm 19 dân tộc, là: La Ha, La Hủ, Phù Lá, La Chí, Kháng, Xinh Mun, Hà Nhì, Chu Ru, Lào, Bru Vân Kiều, Chơ Ro, Mạ, Giẻ Triêng, Co, Giáy, Tà Ôi, Khơ mú, Cơ Tu, Thổ; (4) Nhóm có dân số 1000 đến 10000 người gồm 9 dân tộc, là: Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Bô Y, Công, Lô Lô, Cờ Lao, Mảng; (5) Nhóm dưới 1000 người, có 5 dân tộc, là: Si La, Pu Péo, Rơ măm, Brâu, Ô Đu (Ô đư có dân số thấp nhất là 428 người, chiếm 0,003%).

Gần một nửa dân số DTTS (49,9%) sống tại vùng Trung du miền núi phía Bắc. Hơn 30% (30,3%) sống tại các vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Như vậy, có đến hơn 80% dân số DTTS sống tại 3 vùng khó khăn nhất trong cả nước, tự nhiên khắc nghiệt, giao thông khó khăn các công trình thủy lợi, điện, cấp nước sạch... sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả. Các tỉnh có tỷ lệ dân số là người DTTS cao nhất nước (trên 66%) là Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Kạn, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lạng Sơn, Hòa Bình, Lào Cai đều thuộc vùng trung du miền núi phía Bắc. Có 12 tỉnh có trên 50% dân số là người DTTS, hầu hết các tỉnh có tỷ lệ dân số cao là người DTTS đều là các tỉnh thuộc các vùng còn nhiều khó khăn và có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao.

Không chỉ phân bố ở các vùng có điều kiện tự nhiên khó khăn mà có đến 86,18% người DTTS sinh sống ở khu vực nông thôn, nơi mà điều kiện canh tác gặp nhiều khó khăn và sinh kế của họ dựa chủ yếu vào sản xuất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng đánh bắt thủy sản. Hoạt động kinh tế này vẫn phải dựa chủ yếu vào sự thuận hòa của thiên nhiên mới đảm bảo sinh kế cho người DTTS. người Hoa là DTTS duy nhất sống tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị với tỷ lệ là 69,69% với các hoạt động kinh tế thương mại và dịch vụ. do vậy, người Hoa có mức sống tốt hơn 52 DTTS còn lại. Từ thực trạng trên số lượng, quy mô, phân bố NNL 53 DTTS cho thấy vấn đề đáng quan tâm đặt ra đó là: điều kiện tự nhiên phức tạp, nhiều nơi có độ dốc cao, chia cắt mạnh, mật độ phân bố NNL thưa thớt và không đồng đều. Việc phát triển giáo dục, y tế nâng cao trình độ dân trí và khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân đều gặp nhiều khó khăn.

Cơ cấu tuổi - giới tính của dân số các DTTS cần phải là những thông tin đầu vào quan trọng để xây dựng và thực hiện các chính sách, chiến lược KT-XH bao gồm cả kế hoạch phát triển KT-XH ở cấp quốc gia, cấp địa phương và cấp ngành trong đó

có Chiến lược phát triển NNL, nhân lực chất lượng cao DTTS. Thông qua mối tương quan của số dân ở các nhóm tuổi, ta có thể đánh giá, so sánh các nhóm trong mối quan hệ qua lại với các đặc trưng dân số, xã hội và kinh tế của dân cư trong quá trình phát triển của chúng. Ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng NNL, đặc biệt NNL chất lượng cao vùng đồng bào DTTS&MN.

4.2.2. Thực trạng phát triển và nâng cao chất lượng NNL DTTS

Mặc dù, Việt Nam đã đạt được thành tích giảm nghèo gây ấn tượng đối với thế giới và tỷ lệ nghèo đói, kể cả trong các nhóm DTTS, đã giảm mạnh trong gần hai thập kỷ qua, nhưng vùng đồng bào DTTS và người DTTS vẫn là khu vực và đối tượng nghèo nhất. Nghèo đói làm cho người DTTS không có nhiều cơ hội để phát triển và nâng cao chất lượng NNL.

Chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe của trạm y tế xã còn hạn chế, mặc dù Chính phủ đã nỗ lực hỗ trợ tăng cường chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ sở thông qua chính sách bố trí bác sỹ về làm việc tại các trạm y tế xã. Tuy nhiên, nhiều xã vùng cao vẫn chưa có bác sỹ.

Tình trạng ăn, ở và thói quen sinh hoạt chưa đảm bảo vệ sinh, tình trạng thiếu nước sạch - dẫn đến các loại bệnh trở thành phổ biến của vùng đồng bào DTTS&MN. Nhiều nơi còn tồn tại phong tục, tập quán, thói quen lạc hậu làm ảnh hưởng xấu tới môi trường sống, tiềm ẩn nguy cơ bệnh tật. Bộ Y tế đã có Quyết định số 6847/QĐ-BYT ngày 13/11/2018 phê duyệt Đề án truyền thông về cải thiện vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, sử dụng nước sạch nông thôn giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ em DTTS hoàn thành chương trình tiểu học trên 94%. Tuy nhiên, vẫn còn sự chênh lệch về thực trạng đi học ở bậc THCS và THPT giữa hai giới và giữa các vùng KT-XH. Đề hướng tới mục tiêu của Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, cần chú trọng và có những chính sách trực tiếp tác động đến công tác giáo dục bậc THCS và THPT cho trẻ em DTTS. Có khoảng 75% học sinh trong độ tuổi đi học, đi học đúng cấp (tính cả tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông).

Hầu hết, các dân tộc đã đạt hoặc vượt mục tiêu theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015, tuy vậy, vẫn còn một số ít dân tộc có tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học chưa đạt mục tiêu, như: dân tộc Gia Rai (90,8%), Ba Na (93,6%), Raglay (93,1%), Xtiêng (91,2%), Brâu (93,9%). Tỷ lệ đi học đúng tuổi cấp THCS và THPT của trẻ em DTTS lần lượt là 81,6% và 47,0%. Một

số dân tộc có tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi ở hai cấp đạt cao, gồm: dân tộc Tày, Hoa, Mường, Nùng, Ngái, Sán Dìu, Si La, Bô Y. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều DTTS có tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp THPT thấp (dưới 30%), như: Mông, Ba Na, Gia Rai, Mông, Raglay, Xtiêng...

Đảng và Nhà nước ta xác định, cùng với chăm lo phát triển KT-XH, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo thì việc bảo tồn, phát huy văn hóa các DTTS vừa là nhiệm vụ cấp thiết, vừa có ý nghĩa chiến lược phải thực hiện kiên trì, lâu dài. Nhờ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đời sống văn hóa tinh thần và tiếp cận dịch vụ công cộng của đồng bào DTTS nước ta ngày càng được cải thiện.

4.3. Một số vấn đề đặt ra trong phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay

4.3.1. Vấn đề đặt ra trong cơ chế, chính sách

*** Đối với nhóm chính sách tác động trực tiếp**

Các chính sách như y tế, giáo dục dành riêng cho DTTS tuy đã có những chưa thực sự đủ lực để giải quyết các vấn đề về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cho đồng bào DTTS. Một số chính sách còn chồng chéo, nội dung quy định chưa phù hợp nhưng chậm được điều chỉnh bổ sung; các nguồn lực tài chính để thực hiện chính sách chưa được đảm bảo...

Một số lĩnh vực chưa có chính sách điều chỉnh như: chính sách quy định về tỷ lệ hợp lý cán bộ DTTS trên các địa bàn có đồng bào DTTS sinh sống cả ở 3 cấp: cấp xã, huyện, tỉnh; chính sách xây dựng đội ngũ trí thức, nhân tài, doanh nhân là người DTTS để làm nòng cốt xây dựng, nâng cao chất lượng NNL các DTTS Việt Nam; chưa có một chương trình, đề án, chính sách mang tính tổng thể để giải quyết căn bản vấn đề nâng cao chất lượng NNL DTTS.

*** Đối với nhóm chính sách tác động gián tiếp**

Một số chính sách phát triển KT-XH còn chồng chéo, trùng lặp, không tập trung cả về nội dung và quản lý chỉ đạo, thực hiện; nguồn lực không được bố trí đủ thiếu đồng bộ và thống nhất... mục tiêu chính sách đạt được còn thấp, chưa tạo ra sức mạnh tổng thể để tác động mạnh mẽ đến sự phát triển NNL DTTS.

Một số chính sách xây dựng chưa dựa trên đặc thù kinh tế, văn hóa, xã hội của DTTS, thiếu sự tham gia của người DTTS. Phần lớn các chính sách còn mang tính hỗ trợ, bao cấp cho không, chưa khơi dậy và phát huy được nội lực, ý thức tự lực tự cường vươn lên của đồng bào. Thiếu các chính sách mang tính đầu tư phát triển, trong đó có liên quan đến phát triển NNL DTTS.

4.3.2. Vấn đề đặt ra trong tổ chức thực hiện

Vấn đề tổ chức thực hiện chính sách về phát triển và nâng cao chất lượng NNL vùng đồng bào DTTS&MN hiện có nhiều bất cập, phần nào chưa phù hợp với cơ sở. Một số địa phương còn lúng túng trong tổ chức triển khai. Việc thực hiện các chính sách nhằm phát triển và nâng cao chất lượng NNL là người DTTS phải bắt đầu từ cơ sở. Các cơ quan, đơn vị trực tiếp tham gia thực hiện chính sách nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người dân vùng đồng bào DTTS&MN, những khó khăn, bất cập của quá trình thực hiện chính sách mới có thể ban hành các quyết định hỗ trợ/đầu tư hợp lý và hiệu quả, chú trọng tổ chức xây dựng NNL chất lượng cao cho các ngành trọng điểm, theo thứ tự ưu tiên, có kế hoạch triển khai từng năm phù hợp với khả năng đầu tư và cân đối ngân sách của địa phương. Mỗi địa phương cần tổ chức một Ban chỉ đạo thực hiện xây dựng và phát triển NNL DTTS giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030, do một lãnh đạo tỉnh làm Trưởng ban.

5. Thảo luận

Để phát triển và nâng cao chất lượng NNL vùng đồng bào DTTS&MN, Chính phủ cần khẩn trương rà soát và ban hành chính sách mới đãi ngộ và thu hút NNL chất lượng cao cho vùng đồng bào DTTS&MN theo tinh thần của Đại hội lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Bộ Chính trị. Nhằm thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững vùng đồng bào DTTS&MN trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng với sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt đòi hỏi vùng đồng bào DTTS&MN cần xây dựng chiến lược phát triển NNL chất lượng cao nói chung, NNL DTTS nói riêng tạo thành chủ trương, cơ chế thống nhất để thu hút, trọng dụng, bồi dưỡng và phát triển NNL chất lượng cao. Đó là những giải pháp căn bản để phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng đồng bào DTTS&MN, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và xây dựng đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Một là, nâng cao nhận thức cho cán bộ hệ thống chính trị vùng đồng bào DTTS&MN

Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là ở vùng đồng bào DTTS&MN tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, yêu cầu nâng cao nhận thức đối với phát triển nguồn nhân lực, trong tình hình mới; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt Chương trình phát triển kinh tế văn hoá-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, đây là một nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Cụ thể hóa nghị quyết của Đảng - thành các đề án phù hợp với đặc điểm địa bàn, đối tượng; rà soát, sắp xếp, hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN, tổ chức thực hiện có hiệu quả, phần đầu đạt được các mục tiêu đề ra.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

phù hợp với vùng đồng bào DTTS&MN, nhất là tuyên truyền giáo dục pháp luật vùng đồng bào DTTS&MN; Tích cực tham gia phát triển KT-XH, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa, giữ vững quốc phòng, an ninh, chính trị; đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền; những hạn chế, thiếu sót của chính quyền các cấp để chống phá Đảng, Nhà nước và chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, các văn bản của Đảng liên quan đến phát triển nguồn nhân lực.

Hai là, nâng cao nhận thức cho cộng đồng vùng đồng bào DTTS&MN

Các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN cần tăng cường tuyên truyền, vận động đồng bào nâng cao nhận thức về giá trị to lớn của chương trình phát triển NNL một cách toàn diện...

Thông qua các hình thức sinh hoạt cộng đồng; hoạt động văn hóa, văn nghệ để cung cấp thông tin tới người dân. Đối với học sinh, sinh viên thông qua giáo dục hướng nghiệp để các em tìm hiểu, lựa chọn nghề nghiệp. Việc tuyên truyền nhằm cung cấp thông tin cần thiết để mọi người dân nhận thức được trách nhiệm, nghĩa vụ trong tham gia xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Lấy thay đổi tư duy, nếp sống, năng lực của người dân làm mục tiêu; cư dân nông thôn làm chủ thể; cộng đồng thôn, bản là đơn vị để đánh giá.

Ba là, phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục vùng đồng bào DTTS&MN, nâng cao chất lượng các cấp học, bậc học, ngành học và xây dựng, thực hiện chính sách đối với người dạy, người học vùng đồng bào DTTS&MN.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương

Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bốn là, phát triển toàn diện về KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương vùng đồng bào DTTS&MN, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập; giảm dân số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của đồng bào; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS, xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia.

6. Kết luận

Vai trò quan trọng của NNL chất lượng cao trong việc phát triển KT-XH vùng DTTS&MN là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, những năm qua, việc phát triển NNL chất lượng cao chưa được coi trọng (chế độ, chính sách đãi ngộ, tôn vinh, sử dụng nhân tài còn tản mạn, lạc hậu với thực tiễn, không kịp thời...). Vì vậy, đã đến lúc, các địa phương vùng đồng bào DTTS&MN phải thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ và hiệu quả để phát triển NNL chất lượng cao cho phát triển KT-XH, để có thể đạt được mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ. (2016). Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 về *Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.

Dũng, N. D. (2020). Một số giải pháp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay. *Tạp chí Dân tộc*, số 229 (Tháng 4).

Dũng, N. D. (2020). Một số vấn đề về nguồn nhân lực dân tộc thiểu số hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, Volume 9, Issue 3, September.

Dũng, N. D. (2020). Đào tạo nguồn nhân lực góp phần phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số và miền núi hiện nay. *Tạp chí Mặt trận*, số 208 (Tháng 12).

Dũng, N. D. (2020). Công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, Volume 9, Issue 2, June.

Dũng, N. D. (2024). Phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số góp phần phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số hiện nay. *Đặc san Nhân tài Việt - Tạp chí điện tử Nhân lực nhân tài Việt*, số 1 (Quý I).

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tập 2*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

- Học viện Dân tộc. (2021). *Giáo trình Phát triển nhân lực dân tộc thiểu số*.
- Hoan, Đ. X. (2015). Phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2015-2020 đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. <https://tapchicongsan.org.vn/tri-thuc-doanh-nhan/-/2018/32973/phat-trien-nguon-nhan-luc-viet-nam-giai-doan-2015-2020-dap-ung-yeu-cau-day-manh-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-va-hoi-nhap-quoc-te.aspx>.
- Khái, Đ. V. (2000). *Nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Luận án Tiến sĩ Triết học.
- Quốc hội. (2019). Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 *Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2011). Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28/4/2011 về việc *Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 về *Điều chỉnh mức cho vay đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 *Phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 *phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 *phê duyệt Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 1340/2016/QĐ-TTg ngày 08/7/2016 *phê duyệt Chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và tiểu học đến năm 2020*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 *phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2017). Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 về *Phê duyệt Đề án đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021*.
- Trung, N. T., & cộng sự. (2015). Thực trạng nguồn nhân lực dân tộc thiểu số và một số đề xuất về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao vùng dân tộc thiểu số. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, tháng 11.
- World Bank. (2000). *World Development Indicators*. London: Oxford.

PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HIỆN NAY

Trần Trung

Học viện Dân tộc

Email: trantrung@hvdt.edu.vn

Nhận bài: 16/12/2024; Phản biện: 26/12/2024; Tác giả sửa: 30/12/2024; Duyệt đăng: 03/01/2025; Phát hành: 28/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/418>

Quá trình hội nhập kinh tế thế giới ở Việt Nam được thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội theo hướng phát triển bền vững, trong đó nhân tố con người là trung tâm. Trong tiến trình đó, việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cả nước nói chung và nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đủ sức đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030 nước ta cơ bản là một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, xây dựng thành công xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng... đang là những yêu cầu hết sức cấp bách, đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực cao, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi phải có những thay đổi mang tính đột phá.

Từ khóa: Phát triển; Nâng cao; Chất lượng nguồn nhân lực; Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.